TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 522/2023/DS-ST
Ngày: 21-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 367/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Địa chỉ trụ sở B Nghé, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1999 – Chức vụ: Cán bộ ngân hàng TMCP Q – Là người đại diện theo ủy quyền

(Văn bản ủy quyền số 138916.22 ngày 15/12/2022)

(Có mặt)

2. Bị đơn:

– Ông Trần Ngọc H, sinh năm: 1974

– Bà Phan Thùy D, sinh năm: 1995

Cùng địa chỉ: Số G12/24 ấp N, huyện L, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2022 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây gọi tắt là ngân hàng V) có ký Hợp đồng tín dụng số 1312/HĐTD-VIB614/18 ngày 28/11/2018 với ông Trần Ngọc H, bà Phan Thùy D; số tiền vay là 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng), với mục đích vay mua xe ôtô; thời hạn vay là 84 tháng; lãi suất trong hạn là 9,5%/năm, áp dụng cho 12 tháng đầu tiên, tháng tiếp theo điều chỉnh lại theo quy đinh của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh và điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà D đã trả được cho ngân hàng 107.010.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu không trăm mười nghìn đồng) tiền gốc và 70.976.864 đồng (Bảy mươi triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng) tiền lãi. Sau đó, ông H, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng. Qua nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu khách hàng thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, nhưng ông H, bà D vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/9/2023, ông H, bà D còn nợ số tiền gồm:

+ Số tiền gốc: 202.990.000 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

+ Số tiền lãi trong hạn: 8.655.136 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn một trăm ba mươi sáu đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn: 82.351.512 đồng (Tám mươi hai triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm mười hai đồng).

Tổng cộng: 293.996.648 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng).

Nay ngân hàng V yêu cầu ông Trần Ngọc H, bà Phan Thùy D có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 21/9/2023 là 293.996.648 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng).

Ông H, bà D còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1312/HĐTD-VIB614/18 ngày 28/11/2018 mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Trần Ngọc H, bà Phan Thùy D:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông H, bà D vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì xét thấy nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và bị đơn ông Trần Ngọc H, bà Phan Thùy D có ký với nhau hợp đồng tín dụng vay vốn; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc H, bà Phan Thùy D trả khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng vay vốn ký giữa các bên; bị đơn cư trú tại xã L, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Trần Ngọc H, bà Phan Thùy D vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 1312/HĐTD-VIB614/18 ngày 28/11/2018 thì ông Trần Ngọc H, bà Phan Thùy D có vay của ngân hàng V số tiền là 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Bị đơn ông H, bà D khi thực hiện hợp đồng đã thanh toán được một phần gốc và lãi thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng vay vốn mà

hai bên đã ký. Tính đến ngày 21/9/2023, ông H, bà D còn nợ ngân hàng V cụ thể như sau:

+ Số tiền gốc: 202.990.000 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

+ Số tiền lãi trong hạn: 8.655.136 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn một trăm ba mươi sáu đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn: 82.351.512 đồng (Tám mươi hai triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm mười hai đồng).

Tổng cộng: 293.996.648 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng).

Ngân hàng V yêu cầu ông H, bà D thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ 22/9/2023, cho đến khi ông H, bà D thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng vay vốn đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Ông Trần Ngọc H, bà Phan Thùy D có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 21/9/2023 là 293.996.648 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng), bao gồm số tiền gốc là 202.990.000 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng); tiền lãi trong hạn là 8.655.136 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn một trăm ba mươi sáu đồng) và tiền lãi quá hạn là 82.351.512 đồng (Tám mươi hai triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm mười hai đồng).

2. Kể từ ngày 22/9/2023, ông H, bà D còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1312/HĐTD-VIB614/18 ngày 28/11/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

3. Về án phí: Ông Trần Ngọc H, bà Phan Thùy D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.699.832 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi hai đồng.

Hoàn trả lại cho ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 5.238.524 đồng (Năm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042692 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khương